TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:86/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên.

2. Ông Phan Lương Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân - *Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.*

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐST – HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm 1964. Hộ khẩu thường trú: Số X đường ĐX 043, tổ D, khu phố C, phường P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim H (Nguyễn Thị H), sinh năm 1965. Hộ khẩu thường trú: Số X đường ĐX 043, khu phố C, phường P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Văn D trình bày:

Ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Kim H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) Phú Mỹ, thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một, tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương) theo giấy chứng nhận số 31, ngày 01/02/1988. Quá trình sống chung, có 01 người con chung là Trần Thị Ngọc L, sinh ngày 28/11/1989. Sau khi kết hôn, ông D và bà H mỗi người sinh sống tại nhà riêng của mỗi người. Ông D chỉ qua lại nhà bà H để chăm sóc con chung của ông D và bà H. Quá trình tồn tại mối quan hệ hôn nhân thì không ai quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mặc ai nấy sống. Mặc dù sống riêng nhưng giữa ông D và bà H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, bạo hành gia đình, đời sống vợ chồng không có. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài hơn 30 năm nay.

Do đó, ông D nhận thấy tình trạng mâu thuẫn giữa ông D và bà H không thể hàn gắn nên ông D đề nghị Tòa án giải quyết cho ông D ly hôn với bà H. Về con chung là Trần Thị Ngọc L, sinh năm 1989 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên họp nhưng bà H không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng không gửi ý kiến bằng văn bản phản đối yêu cầu ly hôn của ông D. Tòa án ban hành và tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà H cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 15/8/2022, ông D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì về phần thủ tục. Về nội dung, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông Trần Văn D khởi kiện tranh chấp yêu cầu được ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Căn cứ theo quy định pháp luật thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn ông Trần Văn D có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H vắng mặt lần 2. Do đó, căn cứ Điều 228, Khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn ông Trần Văn D và bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 1989, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) Phú Mỹ, thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một, tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương) nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Theo giấy đăng ký kết hôn thì họ tên người vợ là bà Nguyễn Thị H nhưng sau khi kết hôn thì bà Nguyễn Thị H đã được cải chính chữ lót thành Nguyễn Thị Kim H theo Quyết định số 109/QĐ-UBND, quyển số 01/2007, do Ủy ban nhân dân thị xã Thủ Dầu Một cấp ngày 20/8/2007. Ông D yêu cầu được ly hôn với bà H vì cho rằng trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thiếu sự tôn trọng, quan tâm. Theo biên bản xác minh thì đại diện chính quyền địa phương nơi ông D và bà H cư trú tại phường Phú Mỹ, thành phố

Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương không nhận được yêu cầu hòa giải mâu thuẫn gia đình của ông D và bà H, đồng thời cũng không ghi nhận được tình trạng mâu thuẫn cụ thể của ông D và bà H. Nhận thấy, tình cảm gia đình phải được vun đắp từ hai phía, cả hai phải quan tâm, yêu thương chăm sóc lẫn nhau để gây dựng gia đình hạnh phúc, cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, mục đích hôn nhân hạnh phúc của ông D và bà H đã không đạt được, vợ chồng đã không quan tâm, chăm sóc đến nhau trong thời gian dài. Quá trình giải quyết, bà H mặc dù đã được thông báo về việc ông D có yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con tại Tòa án nhưng bà H không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình, vắng mặt và không có văn bản phản hồi ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của ông D hoặc có đơn trình bày lý do bất khả kháng để không đến Tòa án tham gia tố tụng. Xét thấy, ông D cho rằng cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn và không có nguyện vọng muốn hàn gắn tình cảm gia đình. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của ông D là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Kim H có con chung là Trần Thị Ngọc L, sinh ngày 28/11/1989 đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

Từ những nhận định trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn ông Trần Văn D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 228, Khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Kim H về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn D được ly hôn đối với bà Nguyễn Thị Kim H.

- Về con chung là Trần Thị Ngọc L, sinh ngày 28/11/1989 đã đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Văn D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào toàn bộ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001041 ngày 15/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo luật định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hồng Phương